

TRƯỜNG TIỂU HỌC:
Họ và tên:
Lớp:

ĐỀ ÔN LUYỆN HỌC KỲ I (2)
Môn: TOÁN - LỚP 5

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Kết quả của phép tính $3,456 : 0,01$ là:

- A. 0,03456 B. 0,3456 C. 34,56 D. 345,6

Câu 2. Phân số nào dưới đây là tổng của hai hỗn số $4\frac{2}{5}$ và $6\frac{4}{5}$:

- A. $\frac{56}{5}$ B. $\frac{28}{5}$ C. $\frac{11}{5}$ D. $\frac{56}{10}$

Câu 3. Khi làm tròn số thập phân 18,3756 đến hàng phần trăm (chữ số thập phân thứ hai), ta được số nào sau đây?

- A. 18,37 B. 18,38 C. 18,40 D. 18,376

Câu 4. Viết số đo diện tích $15\text{ m}^2\ 8\text{ dm}^2$ dưới dạng số thập phân với đơn vị là mét vuông:

- A. $15,8\text{ m}^2$ B. $15,80\text{ m}^2$ C. $15,08\text{ m}^2$ D. $150,8\text{ m}^2$

Câu 5. Cho tam giác ABC có độ dài cạnh AB là 12,5 m. Cạnh AC dài hơn cạnh AB là 2,25 m và cạnh BC dài hơn cạnh AB là 1,75 m. Chu vi của tam giác ABC tính theo đơn vị đề-xi-mét là:

- A. 415 dm B. 41,5 dm C. 395 dm D. 400 dm

Câu 6. Diện tích của hình tròn có bán kính $r = 6\text{ cm}$ là:

- A. $37,68\text{ cm}^2$ B. $113,04\text{ cm}^2$ C. $18,84\text{ cm}^2$ D. $75,36\text{ cm}^2$

Câu 7. Điền dấu thích hợp điền vào chỗ trống:

$$(6,8 + 3,2) \times 0,1 \quad \text{.....} \quad 6,8 \times 0,1 + 3,2 \times 0,01$$

- A. > B. < C. = D. Không dấu

Câu 8. Mảnh đất thứ nhất có diện tích 5 200 m², mảnh đất thứ hai có diện tích 0,48 ha. Hỏi diện tích mảnh đất thứ nhất lớn hơn diện tích mảnh đất thứ hai bao nhiêu mét vuông?

- A. 40 m² B. 400 m² C. 4000 m² D. 40 ha

PHẦN II: TỰ LUẬN

Bài 1. Đặt tính rồi tính.

$$45,63 + 28,5$$

$$154,2 - 67,84$$

$$34,8 \times 7,5$$

$$85,2 : 15$$

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2. Điền Đúng hoặc Sai vào chỗ chấm:

a) Khi viết thêm các chữ số 0 vào bên phải phần thập phân của số 4,5 thì giá trị của số đó không đổi: $4,500 = 4,5$

b) Muốn nhân một số thập phân với 0,1 ta chỉ cần chuyển dấu phẩy của số đó sang bên trái một chữ số: $38,5 \times 0,1 = 3,85$

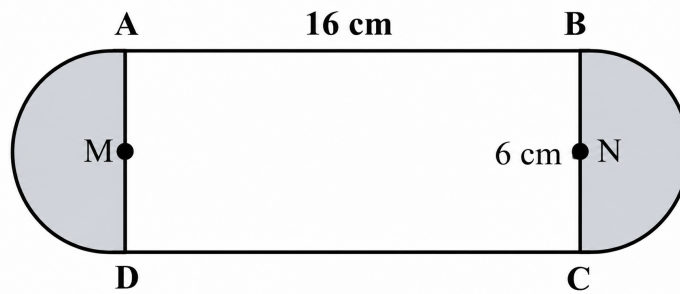
c) Đổi đơn vị đo khối lượng: $2,5 \text{ tấn} = 250 \text{ kg}$

d) Đổi đơn vị đo diện tích: $7 \text{ ha } 500 \text{ m}^2 = 7,05 \text{ ha}$

Bài 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm

$$\boxed{3,75} \xrightarrow{+ 14,2} \boxed{\dots\dots\dots} \xrightarrow{- 8,95} \boxed{\dots\dots\dots} \xrightarrow{\times 4} \boxed{\dots\dots\dots}$$

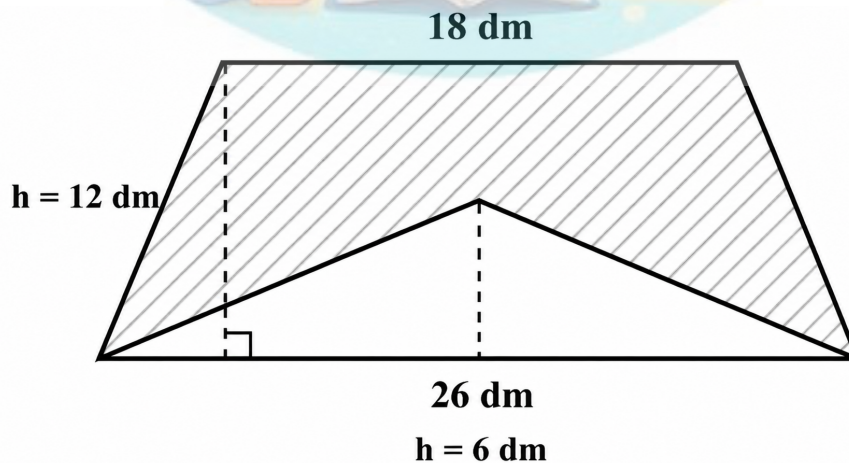
Bài 4. Cho hình chữ nhật ABCD có $AB = 16 \text{ cm}$, $AD = 6 \text{ cm}$. Hai nửa hình tròn đường kính AD và BC lần lượt có tâm M và N (M là trung điểm của AD, N là trung điểm của BC). Tính diện tích hình vẽ sau.



Bài giải



Bài 5. Cho hình thang có đáy bé bằng 18 dm, đáy lớn bằng 26 dm và chiều cao bằng 12 dm. Ở bên trong hình thang có một hình tam giác chung đáy lớn 26 dm và có chiều cao tương ứng là 6 dm. Tính diện tích phần gạch chéo.



Bài giải

